

Ý NGHĨA KHU BIỆT VÀ Ý NGHĨA KHÔNG KHU BIỆT  
TRONG CÁC PHÁT NGÔN ĐA VỊ NGỮ TÍNH  
KHÔNG TỪ NỐI

HOÀNG TRỌNG PHIẾN, NGUYỄN CHÍ HÒA<sup>+</sup>

1. Bài viết này xem các phát ngôn đa vị ngữ tính tương ứng với câu ghép không từ nối là một loại đơn vị ngôn ngữ nằm trong hệ thống các đơn vị câu ghép tiếng Việt. Tuy nhiên, "câu ghép" là khái niệm được xét về mặt cấu trúc còn "phát ngôn" là khái niệm được xét về mặt chức năng, mặt hoạt động của câu.

Cho đến nay, khái niệm "câu ghép không từ nối" còn chưa có sự thống nhất trong giới Việt ngữ học. Có hai khuynh hướng chủ yếu dưới đây:

- Né tránh hay phủ định sự tồn tại của câu ghép không từ nối.
- Thừa nhận sự tồn tại của câu ghép không từ nối.

Có tác giả không thừa nhận hay không muốn thừa nhận "câu hai nòng cốt không có quan hệ từ là câu phức", số khác chỉ nhấn mạnh vào chi tố quan hệ, né tránh các "câu ghép không liên từ". Chẳng hạn, theo I. E. ALESINA chỉ những "chi tố quan hệ" mới mang thông tin về quan hệ<sup>(1)</sup>.

Quan điểm đối lập thừa nhận rằng, trong văn bản nói nhờ ngữ điệu và hoàn cảnh giao tiếp, người nói, người nghe có thể tri giác được sự liên kết của các sự kiện đó<sup>(2)</sup>. Hoàng Trọng Phiến đã miêu tả hai loại "câu ghép chặt" và "câu ghép lỏng". "Câu ghép lỏng" được hiểu là loại cấu ghép không cần từ nối - chúng được liên kết với nhau bằng quan hệ ý nghĩa lôgic, và các vế khó tách thành câu riêng<sup>(3)</sup>.

2.1. Cần phải thấy rằng: Nếu đã thừa nhận sự tồn tại của phát ngôn đa vị ngữ tính thì cũng phải thừa nhận một đặc trưng ngữ nghĩa của chúng. Đó là mối quan hệ không khu biệt về mặt ngữ nghĩa giữa các đơn vị vị ngữ tính. Chẳng hạn, nếu đã thừa nhận phát ngôn "cuộc họp tan/anh đi tìm Lê", thì cũng phải thừa nhận: Trong phát ngôn này có hai quan hệ (a) quan hệ thời gian (KHI cuộc họp tan THÌ anh đi tìm Lê; (b) quan hệ điều kiện (NẾU cuộc họp tan THÌ anh đi tìm Lê). Hai quan hệ ngữ nghĩa này cũng còn những sắc thái nghĩa khác nhau nếu thay thế các từ nối tương ứng khác vào cùng vị trí (khi, sau

(+) Khoa Ngữ Văn - ĐHTH Hà Nội

khi, hễ mà, có lẽ, có thể, một khi, chừng nào, lúc nào...)

2.2. Như vậy, trong các phát ngôn đa vị ngữ tính không từ nối có hai loại quan hệ ngữ nghĩa: Quan hệ khu biệt và quan hệ không khu biệt.

Quan hệ khu biệt là quan hệ giữa các đơn vị ngữ tính. Quan hệ này cho phép cấu trúc đa vị ngữ tính không từ nối có giá trị tương đương với một cấu trúc có từ nối. Ví dụ:

- Cụ truyền/ biểu ông bao chè đề ông xơi nước

⇒ - Cụ truyền rằng (là) biểu ông bao chè đề ông xơi nước.

Quan hệ không khu biệt là quan hệ giữa các đơn vị ngữ tính. Quan hệ này cho phép cấu trúc đa vị ngữ tính không từ nối tương đương với hai hoặc hơn hai cấu trúc có từ nối tương ứng.

2.2. Trong nói năng trực tiếp cũng như trong văn bản hội thoại thường có những quan hệ không khu biệt sau đây: (1) Quan hệ thời gian - điều kiện: - Muốn gì /bu nó cứ hỏi anh Xi hay ông Hai = = =)(Khi/nếu) muốn gì (thì) bu nó cứ hỏi anh Xi hay ông Hai; (2) quan hệ đối chiếu, - đối lập: - Cậu hỏi / con không nghe rõ = = =)Cậu hỏi (còn/nhưng) con không nghe rõ; (3) quan hệ giải thích - nguyên nhân:- Nó là đứa mất dạy/nó không nghe lời tôi = = =) Nó là đứa mất dạy (vì) nó không nghe lời tôi; (4) quan hệ thời gian - đồng nhất:- Tôi tới / Thịnh đi vắng chưa về = = =) Khi tôi tới thì Thịnh đi vắng chưa về; = = =) Lúc tôi tới là lúc Thịnh đi vắng chưa về; (5) quan hệ vị trí- đồng nhất: - Lê đến chỗ Chi hẹn; = = =) Nơi Lê đến là nơi Chi hẹn; (6) quan hệ thời gian- đối lập - nhượng bộ:- Còn sớm/họ cũng không đi = = =) (Nếu/khi/dù...) còn sớm (thì) họ cũng không đi; (7) quan hệ nguyên nhân - mức độ: - Nặng quá / tôi không chịu được = = =) Nặng quá (nên/đến nỗi) tôi không chịu được.

Các loại nghĩa nói trên còn có những biến thái khác nhau tùy thuộc vào các từ tình thái.

2.3. Nhìn từ hướng ngữ dụng - chức năng, chúng ta lại thấy rằng: Nếu căn cứ vào các đơn vị có từ nối tương ứng với các đơn vị không từ nối thì chúng có những kiểu loại sau đây:

2.3.1. Kiểu phát ngôn đa vị ngữ tính không từ nối có quan hệ không khu biệt tương đương với câu ghép có từ nối ở một vế. Ví dụ:

a) Đóng cửa vào/mẹ đi họp = = =) Đóng cửa vào (đề/vì) mẹ đi họp.

b) Cho tôi lên bờ / tôi gặp ông Đạo Đất = = =) Cho tôi lên bờ (đề/vì) tôi gặp ông Đạo Đất.

2.3.2. Kiểu phát ngôn đa vị ngữ tính có quan hệ không khu biệt tương đương với câu ghép có từ nối ở hai vế. Ví dụ:

- Em rức đầu / em chả muốn đi = = =) (Vi/khi) em rức đầu (nên/thì) em chả muốn đi.

2.3.3.. Kiểu phát ngôn đa vị ngữ tính không từ nối có quan hệ không khu biệt tương đương với câu ghép có nhiều cặp từ nối. Ví dụ:

- Em khờ/em chịu/em chẳng dám phàn nàn gì anh. = = =) (Nếu) em khờ (thì) em chịu (chứ) em chẳng dám phàn nàn gì anh.

Trong giao tiếp khẩu ngữ, ngữ điệu và trật tự các vế được giải phóng khi hiện diện các từ nối tương ứng.

3.1. Các phát ngôn đa vị ngữ tính có quan hệ không khu biệt được sử dụng phổ biến trong ngôn ngữ nói. Sở dĩ có tình hình như vậy là vì, các phát ngôn bao giờ cũng tồn tại trong bối cảnh giao tế nhất định. Nói một cách chính xác hơn, bao giờ chúng cũng tồn tại trong một ngữ cảnh nhất định. Ngữ cảnh có thể là các yếu tố phi ngôn ngữ (bối cảnh), ngữ cảnh có thể là các yếu tố bên trong hệ thống ngôn ngữ (ngôn cảnh) và có thể là tri thức chung của những người tham gia hội thoại (4). Ngữ cảnh thường xuyên cho phép họ hiểu được mối quan hệ giữa các đơn vị ngữ tính. Các ý nghĩa không khu biệt theo đó, sẽ mất đi những quan hệ kèm theo. Chẳng hạn, ta có phát ngôn: "Thanh Lê sốt/Thanh Lê ở nhà". Trong phát ngôn này, có quan hệ không khu biệt: Nguyên nhân-điều kiện - (Vi/nếu) Thanh Lê sốt (nên/thì) Thanh Lê ở nhà. Trong giao tiếp, phát ngôn nói trên thường là lời đáp. Những người tham gia hội thoại có thể xác định được quan hệ giữa các đơn vị ngữ tính khi đặt nó trong ngữ cảnh cụ thể. So sánh:

a) - Tại sao Thanh Lê không đi dạo ?

- Thanh Lê sốt/Thanh Lê ở nhà.

b) - Nếu Thanh Lê sốt, Thanh Lê có đi dạo không ?

- Thanh Lê sốt/Thanh Lê ở nhà.

Như vậy, trong giao tiếp, người nói và người nghe dễ dàng biến quan hệ không khu biệt thành quan hệ khu biệt.

3.2. Tuy nhiên, trong thực tiễn giao tiếp vẫn có tình hình là người nói khi sử dụng các phát ngôn đa vị ngữ tính không từ nối chỉ với một quan hệ ngữ nghĩa, còn những quan hệ ngữ nghĩa khác nảy sinh từ nội dung từ vựng ngữ nghĩa của các đơn vị ngữ tính. Trong trường hợp này, họ không nhận thấy và theo đó, cũng không hiểu được người nghe có tri giác được nội dung mà anh ta muốn truyền đạt hay không. Đó là một trong những đặc điểm của giao tiếp khẩu ngữ.

Lí giải các kiểu ý nghĩa này cho phép chúng ta miêu tả các kiểu ngôn đoạn trong lời nói tiếng Việt hiện đại. Nó có ý nghĩa ứng dụng trong giảng dạy tiếng Việt lí thuyết và thực hành.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alesinna. I. E. Các phương thức liên kết trong câu phức hợp "Tuyển tập ngôn ngữ học Việt Nam". NAUKA. 1976.

2. Lê Cận, Phan Thiều, Diệp Quang Ban, Hoàng Văn Thung. Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt. Tập II. Cú pháp tiếng Việt. GD. 1983.

3. Hoàng Trọng Phiến. Ngữ pháp tiếng Việt. Câu. H. 1980.

4. Nguyễn Chí Hòa. Phát ngôn ngữ cảnh "Tạp chí khoa học". DHTHHN. số 6. 1991.